

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025 - 2026
LỚP MẪU GIÁO GHÉP 3+4 TUỔI

I. MỤC TIÊU, NỘI DUNG GIÁO DỤC

TT	Độ tuổi	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục		Chủ đề thực hiện
			Riêng	Chung	
		1. Phát triển thể chất			
		a) <i>Phát triển vận động</i>			
1	3	Trẻ biết thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn.	+ Hô hấp: Hít vào, thở ra. + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên. + Bắt chéo 2 tay trước ngực. + Cúi về phía trước. + Bước lên phía trước, bước sang ngang + Co duỗi chân	* 3+4 tuổi: + Co và duỗi tay + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. + Ngồi xổm, đứng lên; bật tại chỗ	1->9
2	4	Trẻ biết thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.	+ Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên(kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay). + Vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu). + Cúi người về phía trước, ngửa người ra sau. + Nhún chân. + Đứng, lặn lướt từng chân co cao đầu gối.		
3	3	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: Đi hết đoạn đường hẹp(3m x 0,2m).	+ Đi trong đường hẹp.		3,4
4	4	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận	+ Đi trên ghế thể dục.		3,4

		động: Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn.	+ Đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn.		
5	3	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: Đi kiễng gót liên tục 3m.	+ Đi kiễng gót		1
6	4	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m.	+ Đi bằng gót chân, đi lùi, đi khuyu gối		1,9
7		Trẻ kiểm soát được vận động: Đi/chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh		* 3+4 tuổi: Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh	6,8,9
8	3	Trẻ kiểm soát được vận động: Chạy liên tục trong đường dích dắc(3-4 điểm dích dắc) không chệch ra ngoài	+ Đi, chạy thay đổi hướng theo đường dích dắc		
9	4	Trẻ biết kiểm soát được vận động: Đi/ chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4- 5 vật chuẩn đặt dích dắc)	+ Đi, chạy thay đổi dích dắc (đổi hướng) theo vật chuẩn.		
10	3	Trẻ biết phối hợp tay- mắt trong vận động tung bắt bóng với cô: Bắt được 3 lần không rơi bóng(khoảng cách 2,5m)	+ Lăn, tung bắt bóng với cô + Chuyển bắt bóng hai bên theo hàng ngang, hàng dọc		1,3,8,9
11	4	Trẻ biết phối hợp tay- mắt trong vận động tung bắt bóng với người đối diện (cô/bạn): Bắt được 3 lần liên không rơi bóng ở khoảng cách 3m	+ Tung bắt bóng với người đối diện + Tung bóng lên cao và bắt + Chuyển bắt bóng qua đầu, qua chân		
12	3	Trẻ biết phối hợp tay- mắt trong vận động: Tự đập- bắt bóng được 3 lần liên (đường kính bóng 18cm)	+ Đập bắt bóng với cô		5
13	4	Trẻ biết phối hợp tay- mắt trong vận động: Tự đập- bắt bóng được 4- 5 lần liên tiếp	+ Đập và bắt bóng tại chỗ		5
14	3	Trẻ phối hợp tay mắt trong vận động: + Ném trúng đích ngang (xa 1,5 m)	- Ném xa bằng 1 tay	* 3+4 tuổi: + Ném trúng đích bằng một tay + Ném xa bằng 2 tay	4,5,6,7
15	4	Trẻ phối hợp tay mắt trong vận động: + Ném trúng đích đứng (xa 1,5m x cao 1,2 m) + Ném trúng đích ngang (xa 2 m)	- Ném xa bằng 2 tay - Ném trúng đích ngang bằng 1 tay - Ném trúng đích đứng bằng 1 tay		
16	3	Trẻ thể hiện sự nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện	+ Chạy 15m liên tục theo hướng		5,7,8

		bài tập tổng hợp chạy được 15m liên tục theo hướng thẳng.	thẳng		
17	4	Trẻ biết thể hiện sự nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: Chạy liên tục theo hướng thẳng 15m trong 10 giây.	+ Chạy 15m trong khoảng 10 giây + Chạy chậm 60- 80 m		
18	3	Trẻ có khả năng thể hiện sự nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: Bò trong đường hẹp (3m x 0,4m) không chệch ra ngoài.	+ Bò theo hướng thẳng, đích dắc + Trườn về phía trước + Bước lên xuống bậc cao (cao 30 cm)	* 3+4 tuổi: + Bò chui qua cổng + Trườn theo hướng thẳng	1,3,4,5,6,7
19	4	Trẻ thực hiện được sự nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: Bò trong đường đích dắc (3-4 điểm đích dắc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài.	+ Bò chui qua ống dài 1,2m x 0,6m + Trèo qua ghế dài 1,5m x 30 cm + Bò bằng bàn tay và bàn chân (3-4 m) + Bò đích dắc qua (5 điểm) + Trèo lên xuống (5 giống thang)		
20	3	Trẻ thực hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện vận động bật- nhảy	+ Bật tại chỗ + Bật về phía trước	* 3+4 tuổi: + Bật xa (20-40cm)	3,4,5,6,7
21	4	Trẻ thực hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện vận động bật- nhảy không giẫm vào vạch và làm đổ vật cản	+ Bật liên tục về phía trước + Bật nhảy từ trên cao xuống(cao 30-35cm) + Bật tách, khép chân qua (5 ô) + Bật qua vật cản cao (10-15cm) + Nhảy lò cò (3m)		

22	3	Trẻ thực hiện được các vận động xoay tròn cổ tay	+ Quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay.		4,6,9
23	4	Trẻ thực hiện được các vận động cuộn- xoay tròn cổ tay	+ Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nổi...		
24	3	Trẻ thực hiện được các vận động: Gập, đan ngón tay vào nhau	+ Gập, đan các ngón tay vào nhau + Đan, tết		6,7
25	4	Trẻ thực hiện được các vận động : Gập, mở các ngón tay	+ Gập, mở các ngón tay + Gập giấy		6,7
26	3	Trẻ có khả năng phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong hoạt động: Vẽ được hình tròn theo mẫu	+ Tô, vẽ nguệch ngoạc		4,5,6,9
27	4	Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay- mắt trong hoạt động: Vẽ hình người, nhà, cây	+ Tô, vẽ hình		4,5,6,9
28	3	Trẻ có khả năng phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong hoạt động: Cắt thẳng được một đoạn 10 cm	+ Xé dán giấy + Sử dụng kéo, bút		2,5,6,9
29	4	Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay- mắt trong hoạt động: Cắt thành thạo theo đường thẳng	+ Xé, cắt đường thẳng		
30	3	Trẻ có khả năng phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong hoạt động: Xếp chồng 8-10 khối gỗ không đồ.	+ Xếp chồng các hình khối khác nhau		1,6,7,8,9
31	4	Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay- mắt trong hoạt động: Xây dựng, lắp ráp với 10- 12 khối.	+ Lắp ghép hình		

32	3	Trẻ có khả năng phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong hoạt động: Tự cài, cởi cúc		* 3-4 tuổi: + Cài, cởi cúc	2
33	4	Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay- mắt trong hoạt động: Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày	+ Xâu, buộc dây		2
34		Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay- mắt trong hoạt động: Biết tết sợi đôi	+ Tết sợi đôi		2
b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe					
35	3	Trẻ có khả năng nói được đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...)	+ Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc		1, 2
36	4	Trẻ biết một số thực phẩm cùng nhóm: Thịt, cá... có nhiều chất đạm	+ Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng)		1
37		Trẻ biết một số thực phẩm cùng nhóm: Rau, quả chín có nhiều vitamin	+ Nhận biết một số thực phẩm cùng nhóm: Rau, quả chín cung cấp vitamin		2
38	3	Trẻ biết tên một số món ăn hằng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau...	+ Nhận biết một số món ăn quen thuộc hằng ngày		3
39	4	Trẻ nói được tên một số món ăn hằng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...	+ Nhận biết một số dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn		

40	3	Trẻ biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.		* 3-4 tuổi: + Nhận biết các bữa ăn trong ngày và lợi ích của ăn uống đủ lượng và chất + Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...)	1-9
41	4	Trẻ biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.			
42	3	Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn: + Rửa tay, lau mặt, súc miệng	+ Làm quen cách đánh răng, lau mặt + Tập rửa tay bằng xà phòng		2
43	4	Trẻ thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: + Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng	+ Tập đánh răng, lau mặt + Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng		2
44	3	Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn: Tháo tất, cởi quần, áo...		* 3-4 tuổi: + Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt.	7
45	4	Trẻ thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn			

46	3	Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn: thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh..	+ Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh		2, 7
47	4	Trẻ thực hiện được một số hành vi tốt trong vệ sinh khi được nhắc nhở: Đi vệ sinh đúng nơi quy định	+ Đi vệ sinh đúng nơi quy định		
48	3	Trẻ biết sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách		* 3+4 tuổi: + Sử dụng bát, thìa đúng cách	2
49	4	Trẻ biết tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn	+ Ăn uống gọn gàng		
50	3	Trẻ thực hiện được một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: Mời cô mời bạn khi ăn...		* 3+4 tuổi: + Mời cô, mời bạn trước khi ăn	1
51	4	Trẻ thực hiện được một số hành vi tốt trong ăn uống: Mời cô, mời bạn khi ăn ; ăn từ tốn, nhai kỹ	+ Ăn từ tốn, nhai kỹ		
52	3	Trẻ thực hiện được một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: Uống nước đã đun sôi, ăn nhiều loại thức ăn....	+ Không kén chọn thức ăn + Uống nước đun sôi		4, 8
53	4	Trẻ thực hiện được một số hành vi tốt trong ăn uống: Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau	+ Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau		4
54		Trẻ thực hiện được một số hành vi tốt trong ăn uống: Không uống nước lã	+ Không uống nước lã		8
55	3	Trẻ thực hiện được một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: + Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học.	+ Nhận biết trang phục theo thời tiết	* 3+4 tuổi: + Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. + Lợi ích của việc giữ	2, 8

56	4	Trẻ thực hiện được một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: + Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học.	+ Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết + Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết.	gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.	
57	3	Trẻ thực hiện được một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu	+ Nhận biết một số biểu hiện khi ốm		
58	4	Trẻ thực hiện được một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt...	<i>-Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản về đường hô hấp, đậu mùa, bạch hầu, covid-19, cúm A...</i>		7
59	4	Trẻ thực hiện được một số hành vi tốt trong vệ sinh khi được nhắc nhở: Đi vệ sinh đúng nơi quy định.	+ Đi vệ sinh đúng nơi quy định		6
60		Trẻ thực hiện được một số hành vi tốt trong vệ sinh khi được nhắc nhở: Bỏ rác đúng nơi quy định	+ Bỏ rác đúng nơi quy định		8
61	3	Trẻ nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...) khi được nhắc nhở.		* 3+4 tuổi: + Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.	8
62		Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở: + Không leo trèo bàn ghế, lan can + Không nghịch các vật sắc nhọn			

63	4	Trẻ nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...là nguy hiểm, không đến gần. Biết các vật sắc, nhọn không nên nghịch.			
64	3	Trẻ biết tránh những nơi nguy hiểm (Hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi, không lại gần những nơi mưa lũ, gió bão, sạt lở ,...) khi được nhắc nhở.		- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng như: <i>Khe, suối, bể nước, nơi có nguy cơ sạt lở...khu vực an toàn của trường/nơi lánh nạn khi có thiên tai, hoạt động phòng chống thiên tai của gia đình.</i>	8
65	4	Trẻ nhận ra những nơi như: hồ, ao, ruộng nước, suối, bể chứa nước không lại gần những nơi mưa lũ, gió bão, sạt lở ,.....là nơi nguy hiểm, không được chơi gần.		<i>những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng như: Khe, suối, bể nước, nơi có nguy cơ sạt lở...khu vực an toàn của trường/nơi lánh nạn khi có thiên tai, hoạt động phòng chống thiên tai của gia đình.</i>	8
66		Nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ: Biết gọi người khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: Cháy, có người rơi xuống nước ngã, chảy máu.			8
67	3	Trẻ biết một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở: Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt...		* 3+4 tuổi: + Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm đến tính mạng.	5
68	4	Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở: Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt,...			
69		Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở: Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ...không uống rượu, bia, cà phê; khi không được phép của người lớn.			
70	3	Trẻ biết một số hành động nguy hiểm khi được nhắc	+ Không tự ý lấy thuốc uống,		7

		nhớ: Không tự lấy thuốc uống...			
71	4	Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở: Không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn.	+ Không tự ý uống thuốc		
72	3	Trẻ biết được một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở: Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp.	+ Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp.	* 3+4 tuổi: - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm đến tính mạng. - KN bảo vệ sức khỏe và an toàn: KN nhận biết thực phẩm ôi thiu, các chất kích thích, không tự ý uống thuốc.	1
73	4	Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở: Không ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.	+ Không ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.		
74		Trẻ nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ: Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.			
Điều chỉnh, bổ xung					
2. Lĩnh vực phát triển nhận thức					
a) Khám phá khoa học					
75	3	Trẻ biết quan tâm, hứng thú với các sự vật hiện tượng gần gũi như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng, hay đặt câu hỏi về đối tượng.	+ Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ. <i>Mùa hè của bé</i> - Nhận biết và kể tên bằng Tiếng Việt các mùa.		8
76	4	Trẻ biết quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật,	- Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người: <i>Mùa xuân đang</i>		

		hiện tượng: Vì sao cây lại héo ?" ; " Vì sao lá cây bị úớt?	<i>nóng thì chuyển sang lạnh, nhiệt độ tăng giảm đột ngột và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người</i> .. <i>- Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ.</i>		
77	3	Trẻ biết sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: Nhìn, nghe, ngửi, sờ... để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể: <i>Cơ thể của bé (Các bộ phận, các giác quan)</i> - Kể tên bằng Tiếng Việt các bộ phận, giác quan của cơ thể. + Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách thức sử dụng đồ dùng, đồ chơi: <i>Đồ chơi của lớp, đồ dùng trong gia đình.</i> - Nhận biết và kể tên bằng Tiếng Việt một số đồ dùng đồ chơi của lớp. - Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc: <i>Một số loại thực phẩm; cây xanh, một số loại hoa, một số loại quả, một số loại rau. Vật nuôi trong gia đình (Gia cầm, gia súc), động vật sống trong rừng, một số loại cá.</i> - Nhận biết và kể tên bằng Tiếng Việt một số con vật, hoa, quả quen thuộc. + Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc.	* 3+ 4 tuổi: + Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi. + Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây. - Dấu hiệu đặc trưng của từng loại thiên tai: + Động đất: <i>ra chỗ đất chông...; Sấm sét tránh xa đường dây điện, cây to, các vật dụng kim loại...</i> + Sạt lở: <i>Đất đá trên các sườn dốc của đồi</i>	2, 3, 5, 6, 7,8

			- Nhận biết và kể tên bằng Tiếng Việt một số PTGT quen thuộc. + Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày.	núi trượt từ trên xuống.	
78	4	Trẻ phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng nhưng kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm,... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	+ Chức năng các giác quan và bộ các phận khác của cơ thể - Kể tên và nói được đặc điểm bằng Tiếng Việt các bộ phận, giác quan của cơ thể. - Nói được các từ, câu chỉ đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người rõ ràng bằng Tiếng Việt. - Tên, đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi bằng Tiếng Việt. + Nói tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1 - 2 dấu hiệu bằng Tiếng Việt. + Các nguồn nước trong môi trường sống. + Một số đặc điểm, tính chất của nước.	+ Lũ: là hiện tượng mực nước và tốc độ của dòng chảy trên sông, suối vượt qua mức bình thường. + Mưa đá: Mưa kèm theo những viên nước đá có hình dạng và kích thước khác nhau rơi xuống đất...	2, 3, 5, 6, 7,8
79	3	Trẻ có khả năng làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. Ví dụ: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi.		* 3+4 tuổi: + Làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng.	6, 8
80	4	Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, ví dụ: Pha màu/			

		đường/ muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.			
81	3	Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.		* 3+4 tuổi: + Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: Xem sách, tranh ảnh, băng hình, trò chuyện...	1,6,7,8,9
82	4	Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: Xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.			
83	3	Trẻ có khả năng phân loại đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật	+ Phân loại đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.		3, 5, 6, 7
84	4	Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu	+ Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1 - 2 dấu hiệu. + Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1 - 2 dấu hiệu + Phân loại phương tiện giao thông theo 1 - 2 dấu hiệu.		
85	3	Trẻ có khả năng nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi	+ Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng. + Cách chăm sóc bảo vệ con vật cây gần gũi. + Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hằng ngày.		5, 6, 8
86	4	Trẻ nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi : Ví dụ: " Cho thêm đường / muối / nên nước ngọt / mặn hơn" <i>- Biết một số thiên tai xảy ra ở Việt Nam và cách ứng xử đơn giản khi có thiên tai</i>	+ Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. + Quan sát phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây cối với môi trường sống.		5, 6, 8

			+ Cách chăm sóc bảo vệ con vật, cây. + Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. + Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây. - Ích lợi của thực vật đối với phòng chống thiên tai: giữ nước chống sạt lở đất, điều hòa không khí bảo vệ môi trường. - Khu vực an toàn của trường học/ nơi lánh nạn khi có thiên tai.		
87		Trẻ sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.	+ Giải quyết vấn đề đơn giản		7
88	3	Trẻ có khả năng mô tả được những dấu hiệu nổi bật của đối tượng quan sát với sự gợi mở của cô giáo.	+ Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm		5, 6, 8
89	4	Trẻ biết nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	+ So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2-3 đồ dùng, đồ chơi. + So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả. + Sự khác nhau giữa ngày và đêm		
90	3	Trẻ biết thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình.		* 3+4 tuổi: + Thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình.	1->9
91	4	Trẻ biết thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình.			
b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán					
92	3	Trẻ biết quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi	+ Quan tâm đến số lượng và đếm, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số		1

		về số lượng, đếm vệt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	lượng + 1 và nhiều		
93	4	Trẻ biết quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi : " Bao nhiêu ?" ; " Là số mấy ? "...	+ Quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật xung quanh, hỏi: "Bao nhiêu?"; "Là số mấy?".		
94	3	Trẻ biết đếm trên đối tượng giống nhau và đếm đến 5.	+ Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng		2,4,5
95	4	Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10.	+ Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng		5,6,7,8,9
96	3	Trẻ có khả năng so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	+ So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.		2,4,5,6,7,8,9
97	4	Trẻ biết so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	+ So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.		2,4,5,6,7,8,9
98	4	Trẻ biết sử dụng các số từ 1 - 5 để chỉ số lượng, số thứ tự.	+ Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5		2,4,5,6,7,8,9
99	3	Trẻ có khả năng gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.		* 3+4 tuổi: + Gộp hai nhóm đối tượng và đếm <i>trong phạm vi 5</i>	3,4,5
100	4	Trẻ biết gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.			3,4,5
101	3	Trẻ biết tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm.		+ Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn	3, 4, 5
102		Trẻ biết tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn.			3, 4, 5
103	4	Trẻ nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	+ Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày(		3, 7

			số nhà, biển số..)		
104	3	Trẻ có khả năng nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại	+ Xếp xen kẽ	* 3+4 Tuổi: + Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi	1,9
105	4	Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại.	+ So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc		1, 9
106	3	Trẻ có khả năng so sánh 2 đối tượng về kích thước và nói được các từ : To hơn/ nhỏ hơn ; dài hơn / ngắn hơn; cao hơn / thấp hơn ; bằng nhau.	+ So sánh hai đối tượng về kích thước + <i>So sánh chiều cao của 2 đối tượng</i> + <i>So sánh kích thước to, nhỏ của 2 đối tượng.</i> + <i>So sánh chiều dài của 2 đối tượng</i>		4,5,6,8
107	4	- Trẻ biết sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh. - So sánh kích thước của 2 đến 3 đối tượng	+ Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo + Đo dung tích bằng một đơn vị đo + Củng cố so sánh 2 đến 3 đối tượng về kích thước		
108	3	Trẻ có khả năng nhận dạng và gọi tên các hình; Hình tròn, vuông, tam giác, chữ nhật	+ Nhận biết, gọi tên các hình : Hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế. + Sử dụng các hình hình học để lắp ghép.		5,7
109	4	Trẻ chỉ ra được các đặc điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật...)	+ So sánh sự giống và khác nhau của các hình: hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình CN		
110		Sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản	+ Lắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu		
111	3	Trẻ có khả năng sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	+ Nhận biết phía trên - phía dưới, phía trước, phía sau, tay phải - tay		3,6,7

			trái của bản thân.		
112	4	Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	+ Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau - phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái).		3,4,6,7
113		Trẻ biết mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	+ Nhận biết các buổi : Sáng, trưa, chiều, tối		8
c) Khám phá xã hội					
114	3	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	+ Tên, tuổi, giới tính của bản thân		
115	4	Trẻ nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	+ Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân. <i>Phân biệt được bạn trai, bạn gái và bình đẳng giữa bạn trai và bạn gái</i>		2
116	3	Trẻ nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình.	+ Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình		
117	4	Trẻ nói họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	+ Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu gia đình.		3
118	3	Trẻ nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	+ Địa chỉ gia đình		
119	4	Trẻ nói địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố / thôn, xóm) khi được hỏi, trò chuyện.	+ Địa chỉ gia đình, số nhà, bản, xã		3
120	3	Trẻ nói được tên trường, lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	+ Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo + Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường. <i>- Tên, địa chỉ của trường, lớp; Tên, công việc của cô nuôi dưỡng; Tên</i>		1

			<i>và đặc điểm của các bạn trong lớp</i>		
121		Trẻ nói tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- <i>Nói được rõ ràng bằng Tiếng Việt tên, địa chỉ của trường lớp.</i>		
122	4	Trẻ nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	- <i>Nói được rõ ràng bằng Tiếng Việt tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường.</i>		
123		Trẻ nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện	+ <i>Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn, các hoạt động của trẻ ở trường.</i>		
124	3	Trẻ kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng....khi được hỏi, xem tranh.	+ <i>Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến. Nghề nông, nghề bộ đội, nghề giáo viên, nghề công nhân,.. - Gọi tên, sản phẩm một số nghề bằng Tiếng Việt.</i>		4
125	4	Trẻ kể tên công việc, công cụ, sản phẩm / ích lợi...của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.	+ <i>Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương. - Một số nghề có vai trò, trách nhiệm tham gia vào công tác phòng chống thiên tai và ứng phó với BĐKH: dự báo khí tượng thủy văn, phát thanh viên chương trình dự báo thời tiết, công nhân vệ sinh môi trường, cứu hộ cứu nạn,...</i>		8
126	3	Trẻ có khả năng kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, tết trung thu...qua trò chuyện, tranh ảnh.	+ <i>Cờ tổ quốc, ngày lễ hội của địa phương. Ngày hội đến trường; Ngày tết trung thu; 20/11; Tết Nguyên đán; tết dân tộc; ngày 8/3...</i>		1,5, 6, 8,9

			- <i>Thăm quan đài tưởng niệm Ma Thì Hồ (Vừ A Sô); Tìm hiểu về quê hương Điện Biên và nói được một số từ chỉ địa danh ở Điện Biên: tượng đài chiến thắng Điện Biên; Đồi A1, Hàm đờ cát.</i>		
127	4	Trẻ kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội.	'+ Đặc điểm nổi bật của một số ngày lễ hội, sự kiện văn hoá của quê hương, đất nước. <i>Ngày hội đến trường của bé; Ngày tết trung thu; 20/11; Tết Nguyên đán; tết dân tộc Mông, ngày 8/3...</i> - <i>Một vài cảnh đẹp, lễ hội, quê hương, đất nước, một số địa danh liên quan đến Bác Hồ. Thăm quan đài tưởng niệm Ma Thì Hồ (Vừ A Sô); Tìm hiểu về quê hương Điện Biên và nói được một số từ chỉ địa danh ở Điện Biên: Tượng đài chiến thắng Điện Biên; Đồi A1, Hàm đờ cát.</i>		
128	3	Trẻ biết kể tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương	+ Kể tên của di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh của địa phương.		9
129	4	Trẻ kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương	+ Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam thắng cảnh của địa phương		
Điều chỉnh bổ sung					
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ					
1. Nghe hiểu lời nói					

130	3	Trẻ có khả năng thực hiện được các yêu cầu đơn giản, ví dụ : "Cháu hãy lấy cho quả bóng ném vào rổ "	+ Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản		3
131	4	Trẻ biết thực hiện được 2,3 yêu cầu liên tiếp, ví dụ: " cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng"	+ Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu		3
132	3	Trẻ có khả năng hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: Quần áo, đồ chơi, hoa, quả,...	+ Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi quen thuộc.		1,5, 6, 7
133	4	Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: Rau quả, đồ gỗ,...	+ Hiểu các từ chỉ đặc tính, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm		
134	3	Trẻ lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng.		1,8
135	4	Trẻ biết lắng nghe và trao đổi với người đối thoại	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức <i>Hiểu ý nghĩa của từ biến đổi khí hậu, giải thích nguyên nhân, diễn biến của BĐKH theo mối liên hệ đơn giản: Vì chặt phá rừng nên bị lũ lụt, sạt, lở đất</i>		
136	3	- Trẻ có khả năng nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc, bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.		* 3+4 tuổi: + Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. + Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.	1,2,4,5,7,8,9
137	4	- Trẻ có khả năng nghe, hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc, bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.			
2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày					
138	3	Trẻ có khả năng nói rõ các tiếng	+ Phát âm các tiếng của tiếng việt		4, 6, 8
139	4	Trẻ biết nói rõ để người nghe có thể hiểu được	+ Phát âm các tiếng có chứa các âm		

		Trẻ nói được tiếng việt khi người lớn yêu cầu.	khó -Trả lời và đặt các câu hỏi: " Ai?"; "Cái gì?"; "Ở đâu?"; "Khi nào?"; " Đề làm gì?".		
140	3	Trẻ biết sử dụng được các từ thông dụng, chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,... - <i>Nói Tiếng Việt tên, tuổi, trường, lớp, đồ chơi, đồ dùng, màu sắc, hành động, nghề nghiệp quen thuộc, một số hoa, quả, con vật, PTGT, mùa hè...</i>	+ Trả lời và đặt các câu hỏi: " Ai?"; "Cái gì?"; "Ở đâu?"; "Khi nào?".		
141	4	Trẻ biết sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm: <i>Sử dụng các từ tiếng Việt tên, tuổi, trường, lớp, đồ chơi, đồ dùng, màu sắc, hành động, nghề nghiệp quen thuộc, một số hoa, quả, con vật, PTGT, mùa hè, quê hương, trường tiểu học...</i>	- Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm: <i>Các từ tiếng Việt tên, tuổi, trường, lớp, đồ chơi, đồ dùng, màu sắc, hành động, nghề nghiệp quen thuộc, một số hoa, quả, con vật, PTGT, mùa hè, quê hương, trường tiểu học...</i>		5,7,8
142	3	Trẻ có khả năng sử dụng được các câu đơn, câu ghép	+ Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng + Nghe hiểu nội dung câu đơn, câu mở rộng		
143	4	Trẻ biết sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định	+ Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép '+ Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức - <i>Hiểu ý nghĩa của từ biến đổi khi hậu, giải thích nguyên nhân, diễn biến của BĐKH theo mối liên hệ đơn giản: Vì chặt phá rừng nên bị lũ lụt, sạt, lở đất</i>		7, 9
144	3	Trẻ có khả năng kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: Thăm ông bà, đi chơi,	+ Kể lại sự việc		9

		xem phim			
145	4	Trẻ biết kể lại sự việc theo trình tự	+ Kể lại sự việc có nhiều tình tiết		
146	3	Trẻ biết đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...		*3+4Tuổi	
147	4	Trẻ có khả năng đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao,..		+ Trẻ đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò, vè.	1->9
148	3	Trẻ biết kể truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn	+ Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe + Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ.		
149	4	Trẻ biết kể truyện có mở đầu kết thúc	+ <i>Kể lại truyện đã được nghe dưới sự hướng dẫn</i> + Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh.		1,9
150	3	Trẻ có khả năng bắt trước giọng nói của nhân vật trong truyện	+ Đóng vai theo lời dẫn truyện của giáo viên		
151	4	Trẻ biết bắt trước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện	+ Đóng kịch		5, 8
152	3	Trẻ biết sử dụng các từ: " Vâng dạ"; "Dạ"; "Thưa";...trong giao tiếp		* 3+4 tuổi:	
153	4	Trẻ sử dụng được các từ như: " Mời cô"; "Mời bạn"; "Cảm ơn"; "Xin lỗi"...trong giao tiếp		+ Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép	1
154	3	Trẻ nói đủ nghe, không nói lí nhí...		* 3+4 tuổi:	
155	4	Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở		+ Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp	2
3. Làm quen với việc đọc - viết					
156	3	Trẻ biết đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giở sách xem tranh		*3+4 tuổi:	
157	4	Trẻ biết chọn sách để xem		+ Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau	1,9

158	3	Trẻ biết nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh	+ Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ		7
159	4	Trẻ biết mô tả được hành động của các nhân vật trong tranh	+ Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh		
160	3	Trẻ thích vẽ, "Viết" nguệch ngoạc	+ Tiếp xúc với chữ, sách truyện. + Cầm sách đúng chiều, mở sách xem tranh và "Đọc" + Giữ gìn sách.	* 3+4 tuổi: + Làm quen với cách đọc viết tiếng việt + Hướng đọc, viết: Từ trái sang phải, dòng từ trên xuống dưới. + Hướng viết các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau dấu chấm.	1->9
161	4	Trẻ biết cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh "đọc" sách theo tranh minh họa ("Đọc vẽ")	+ Phân biệt phần mở đầu và kết thúc của sách. + Giữ gìn bảo vệ sách. - "Đọc" truyện qua các tranh vẽ		1, 2,4
162		Trẻ biết sử dụng kí hiệu để "Viết": Tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng...	+ Trẻ nhận dạng một số chữ cái (10-15 chữ) + Tập tô, tập đồ các nét chữ (10-15 chữ)		
163	3	Trẻ nhận ra được ký hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm		* 3+4 tuổi: + Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: Đường cho người đi bộ...)	1, 7
164	4	Trẻ nhận ra được kí hiệu thông thường trong cuộc sống: Nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm...			
Điều chỉnh bổ xung					
4. Lĩnh vực phát triển tình cảm và kĩ năng xã hội					
165	3	- Trẻ nói được tên tuổi, giới tính của bản thân.		* 3+4 tuổi: Tên, tuổi, giới tính, bố mẹ.	2
166	4	- Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố mẹ.			

167	3	Trẻ có khả năng nói được điều bé thích, không thích.	+ Những điều bé thích, không thích	* 3+4 tuổi: - Tôn trọng cơ thể - Bảo vệ cơ thể không làm đau mình (đập đầu, bứt tóc, cắn, đưa dị vật vào những lỗ trên cơ thể...) - Tò mò về cơ thể - Bình đẳng giới	2
168	4	Trẻ nói được điều bé thích, không thích những việc gì bé có thể làm được.	- Sở thích, khả năng của bản thân		
169	3	Thể hiện sự tự tin, tự lực, <i>khiêm tốn, giản dị, trung thực</i> : - Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi. - Trẻ biết khiêm tốn, giản dị, trung thực.	+ Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, tự tin khi trả lời câu hỏi	3+4 tuổi: - Ăn ở, nói năng nhẹ nhàng, đơn giản, không khoác lác khoe khoang. - Chấp nhận hiện tại và không làm mọi điều trở lên phức tạp. - Nói sự thật.	2
170	4	Thể hiện sự tự tin, tự lực, <i>khiêm tốn, giản dị, trung thực</i> : - Trẻ biết tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích. - Trẻ biết khiêm tốn, giản dị, trung thực.	+ Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, tự tin khi trả lời câu hỏi		
171	3	Trẻ biết cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (Chia giấy vẽ, xếp đồ chơi...)	+ Thực hiện được một số công việc đơn giản trong một số hoạt động		4
172	4	Trẻ biết hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi)	+ Hoàn thành tốt một số công việc được giao, trực nhật và cất dọn đồ dùng, đồ chơi		
173	3	Trẻ có khả năng nhận biết cảm xúc, thể hiện và <i>kiểm soát cảm xúc</i> của bản thân: - Trẻ nhận ra được cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh. - Trẻ biết tự điều chỉnh được cảm xúc.	+ Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói. + <i>Tự điều chỉnh được cảm xúc.</i>		5
174	4	Trẻ có khả năng nhận biết cảm xúc, thể hiện và <i>kiểm soát cảm xúc của bản thân, chế ngự hành vi cá nhân tiêu cực, đồng cảm</i> với mọi người xung quanh: - Trẻ nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh,	+ Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh. -Tự giải quyết tình huống và kiểm		

		ảnh. - Trẻ biết giải quyết tình huống và kiềm chế tức giận, hiểu, chấp nhận và đồng cảm với mọi người xung quanh.	chế tức giận, hiểu, chấp nhận và đồng cảm với mọi người xung quanh.		
175	3	Trẻ biết biểu lộ cảm xúc, vui, buồn, sợ hãi, tức giận	+ Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, trò chơi, hát, vận động.		1->9
176	4	Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên	+ Biểu lộ trạng thái cảm xúc tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói, trò chơi, hát, vận động, vẽ nặn xếp hình.		
177	3	Trẻ biết yêu thương, <i>hợp tác thân thiện, đoàn kết</i> người thân và bạn bè	+ Yêu mến bố, mẹ, anh chị em ruột. + Chơi hòa thuận với bạn, hợp tác làm việc chung với nhau cùng hướng về mục tiêu chung.		4
178	4	Trẻ biết tôn trọng, yêu thương, quan tâm đến người thân và bạn bè	+ Quan tâm, giúp đỡ bạn, lắng nghe người khác nói. + Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình		
179	3	Nhận ra hình ảnh Bác Hồ	+ Nhận ra hình ảnh Bác Hồ	* 3+ 4 tuổi: + Kính Yêu Bác Hồ <i>Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.</i> <i>Ngày hội đến trường;</i> <i>Ngày tết trung thu;</i> <i>20/11; Tết Nguyên đán;tết dân tộc Mông, ngày 8/3...</i> - <i>Thăm quan đài tưởng niệm Ma Thị Hồ; Tìm hiểu về quê hương Điện Biên và</i>	9
180		Trẻ thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ			
181	4	Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lắng Bác Hồ	+ Xem và nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lắng Bác Hồ.		
182		Trẻ biết thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua bài hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ			

				<i>nói được một số từ chỉ địa danh ở Điện Biên.</i>	
183	3	Trẻ nhận biết được một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương đất nước	+ Quan tâm đến cảnh đẹp lễ hội của quê hương đất nước		6, 9
184	4	Trẻ biết được một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương đất nước	+ Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước		
185	3	Trẻ có khả năng thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi, xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ.	+ Một số quy định ở lớp và gia đình (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ)		1
186	4	Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn vâng lời ông bà, bố mẹ.	+ Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ: Trật tự khi ăn, khi ngủ, đi bên phải lề đường)		
187	3	Trẻ biết chào hỏi, nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở	+ Cử chỉ, lời nói, lễ phép (chào hỏi, cảm ơn)		1
188	4	Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi, lễ phép	+ Sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép.		
189	3	Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói	+ Lắng nghe, trật tự khi cô nói, bạn nói		4
190	4	Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói	+ Lắng nghe ý kiến của người khác.		
191	3	Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm	+ Chơi hòa thuận với bạn, chờ đến lượt		5
192	4	Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở	+ Chờ đến lượt hợp tác		
193	3	Trẻ nhận biết hành vi " đúng" - "sai", " tốt"- "xấu"	+ Nhận biết hành vi " đúng" - "sai", " tốt"- "xấu"		7
194		Trẻ biết phân biệt hành vi "đúng"- "sai", "tốt " - "xấu"	+ Phân biệt hành vi "đúng"- "sai", "tốt " - "xấu"		
195	4	Trẻ biết trao đổi thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật..)	+ Trao đổi thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động, cùng bạn chơi, cùng bạn tham gia trực nhật		7
196	3	Trẻ thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây		* 3 + 4 tuổi: Bảo vệ, chăm sóc con	5,6

197	4	Trẻ thích chăm sóc cây cối, con vật quen thuộc		vật, cây cối - Bảo vệ môi trường, cảnh quan của nhà trường.	
198		Trẻ thực hiện hành vi không bẻ cành, bứt hoa.			
199	3	Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định		* 3+4 tuổi: +Biết nhắc nhở người khác giữ gìn vệ sinh môi trường + Tiết kiệm trong sinh hoạt, không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt khi ra khỏi phòng.... - Sử dụng đồ chơi, đồ dùng của nhà trường tiết kiệm, tái sử dụng phế liệu làm đồ chơi, đồ dùng dạy học.	8
200	4	Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định			
201		Trẻ không để tràn nước khi rửa tay tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng			
Điều chỉnh và bổ xung					
5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ					
202	3	Trẻ biết vui sướng vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng	+ Bộc lộ cảm xúc khi nghe các âm thanh, gọi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật		5, 6, 8
203	4	Trẻ biết vui sướng vỗ tay làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng	+ Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe các âm thanh, gọi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên		

			nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật		
204	3	Trẻ biết chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện,	+ Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca), hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bản nhạc, thích nghe đọc thơ, kể truyện, ca dao, đồng dao		1->9
205	4	Trẻ biết chú ý nghe thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.	+ Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca)		
206	3	Trẻ biết vui sướng chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình		* 3+ 4 tuổi: Thích thú reo lên và vỗ tay vui sướng khi được quan sát ngắm nhìn và nói lên cảm nhận về các tác phẩm tạo hình	1->9
207	4	Trẻ thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình			
208	3	Trẻ biết hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc	+ Hát đúng giai điệu lời bài hát		1->9
209	4	Trẻ biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt điệu bộ, ...	+ Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát		
210	3	Trẻ biết vận động theo nhịp bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo nhịp, vận động minh họa)	+ Vận động đơn giản theo nhịp điệu của bài hát bản nhạc + Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp		2,4,7,8,9
211	4	Trẻ biết vận động nhịp nhàng theo nhịp các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa)	+ Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát bản nhạc. + Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách nhịp tiết tấu.		
212	3	Trẻ có khả năng sử dụng các nguyên liệu tạo hình để	+ Sử dụng các nguyên vật liệu tạo		2,5,7,8,9

		tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý	hình để tạo ra các sản phẩm.		
213	4	Trẻ biết phối hợp các nguyên liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm	+ Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm.		
214	3	Trẻ biết vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản	+ Sử dụng một số kỹ năng vẽ để tạo thành sản phẩm đơn giản		1,2,4,5,6,9
215	4	Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục	+ Sử dụng các kỹ năng vẽ để tạo thành sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét.		
216	3	Trẻ biết xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản	+ Sử dụng một số kỹ năng xé dán để tạo thành sản phẩm đơn giản		2,5,6,9
217	4	Trẻ biết xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc bố cục	+ Sử dụng một số kỹ năng cắt, xé dán để tạo thành sản phẩm có màu sắc kích thước hình dáng/ đường nét		
218	3	Trẻ có khả năng lăn dọc xoay tròn, đan dẹp, đất nặn để tạo thành các sản phẩm có một hoặc hai khối	+ Sử dụng một số kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm đơn giản		1,4,6,9
219	4	Trẻ biết làm lõm, lỗ bẹp, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết	+ Sử dụng các kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng / đường nét		
220	3	Trẻ biết xếp chồng, xếp cạnh tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản	+ Sử dụng một số kỹ năng xếp hình để tạo thành sản phẩm đơn giản		2, 5, 6, 7, 8
221	4	Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có hình dáng, màu sắc khác nhau	+ Sử dụng các kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng / đường nét		
222	3	Trẻ có khả năng nhận xét các sản phẩm tạo hình	+ Nhận xét sản phẩm tạo hình		2,5,8
223	4	Trẻ nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc đường nét, hình dáng	+ Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng / đường nét		
224	3	Trẻ biết vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc	+ Vận động theo ý thích khi hát / nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc		2,6,8
225	4	Trẻ biết lựa chọn và thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc	+ Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc		

226		Trẻ biết lựa chọn dụng cụ gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.	+ Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát		
227	3	Trẻ biết tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích	+ Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích		
228	4	Trẻ biết tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích.	+ Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích		7
229		Trẻ biết nói lên ý tưởng tạo hình của mình	+ Nói lên ý tưởng tạo hình của mình.		
230	3	Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình		* 3+ 4 tuổi Đặt tên cho sản phẩm của mình - <i>Thể hiện sự hiểu biết qua các hoạt động âm nhạc, tạo hình, vui chơi: Hoạt động chơi ngoài trời, hoạt động góc...</i>	9
231	4	Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình			

Giáo viên

Tổ trưởng duyệt

Nhà trường kí duyệt

Vừ Thị Hoa

Vũ Thị Hải Hà

Lã Thị Thanh Thuỷ